

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 3/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Công văn số 836/UBND-ĐTQH ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc công tác quản lý giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý xây dựng và Hạ tầng kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Chi tiết đơn giá nhân công xây dựng công bố tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Điều 3. Đơn giá nhân công xây dựng kèm theo Quyết định này thay thế đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận công bố tại Quyết định số 283/QĐ-SXD ngày 30/11/2022 của Giám đốc Sở Xây dựng. Việc cập nhật chi phí đầu tư xây dựng theo đơn giá nhân công xây dựng kèm theo Quyết định này, thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 44 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

Điều 4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến xác định và quản lý chi phí của các dự án đầu tư xây dựng theo quy định của Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- UBND tỉnh;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Ban quản lý dự án khu vực, chuyên ngành;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện;
- Phòng Quản lý đô thị thành phố, thị xã;
- Ban Giám đốc Sở Xây dựng;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở Xây dựng;
- Đăng tải trên website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, QLXD&HTKT. (Tuần)

GIÁM ĐỐC



Phan Dương Cường

**Công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2023
 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

*(Phụ lục kèm theo Quyết định số 311/QĐ-SXD
 ngày 22/12/2023 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Bình Thuận)*

Đơn vị tính: đồng/ngày công

STT	Nhóm	Cấp bậc	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực		
			Vùng II	Vùng III	Vùng IV
I	Nhóm nhân công xây dựng				
1	Nhóm I	3,5/7	256.000	241.400	231.200
2	Nhóm II	3,5/7	278.900	266.000	255.000
3	Nhóm III	3,5/7	283.600	273.500	262.300
4	Nhóm IV				
	+ Nhóm vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng	3,5/7	293.900	280.100	272.100
	+ Nhóm lái xe các loại	2/4	293.900	280.100	272.100
II	Nhóm nhân công khác				
1	Vận hành tàu, thuyền				
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó	1,5/2	385.200	370.500	351.200
	+ Thủy thủ, thợ máy	2/4	328.100	313.500	295.200
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông	1,5/2	339.900	325.500	307.000
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu biển	1,5/2	348.900	335.800	316.000
2	Thợ lặn	2/4	570.000	534.000	509.000
3	Kỹ sư	4/8	292.400	288.900	285.800
4	Nghệ nhân	1,5/2	555.900	516.200	491.200

Ghi chú:

- Việc phân chia vùng theo quy định phân vùng của Chính phủ về lương tối thiểu vùng.

- Đối với khu vực hải đảo thì đơn giá nhân công bình quân được điều chỉnh với hệ số 1,06 so với đơn giá nhân công bình quân nêu trên.

- Việc xác định nhóm nhân công, công tác xây dựng; quy đổi giá nhân công xây dựng theo cấp bậc trong hệ thống định mức dự toán xây dựng được thực hiện theo Phụ lục IV phương pháp xác định đơn giá nhân công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình./.